

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

Số: 82/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngũ Hành Sơn, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ông **Thân Vĩnh Đ**, sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: Số G Mỹ Đa T, tổ A, phường K, quận N, TP .;

- Bà **Đinh Thị Kim N**, sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: Số G Mỹ Đa T, tổ A, phường K, quận N, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Thân Vĩnh Đ và bà Đinh Thị Kim N kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều điểm không phù hợp do những khác biệt trong quan điểm, lối sống và sinh hoạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Thân Vĩnh Đ và bà Đinh Thị Kim N xác định vợ chồng có 02 con chung; Thân Trúc Q, sinh ngày 01/7/2004 và Thân Vĩnh Q1, sinh ngày 16/10/2008. Thuận tình ly hôn, ông Đ và bà N thống nhất thỏa thuận; giao con Thân Vĩnh Q1 cho bà Đinh Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

Riêng con Thân Trúc Q đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông Thân Vĩnh Đ và bà Đinh Thị Kim N mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thân Vĩnh Đ và bà Đinh Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận; giao con Thân Vĩnh Q1, sinh ngày 16/10/2008 cho bà Đinh Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Thân Vĩnh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con Thân Trúc Q hiện nay đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Thân Vĩnh Đ và bà Đinh Thị Kim N tự nguyện chịu. Ông Đ và bà N đã nộp đủ lệ phí theo biên lai số 0003358 ngày 17/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP ..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS Q.Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Nam Dương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
(số 13 ngày 12/3/2003);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm